



















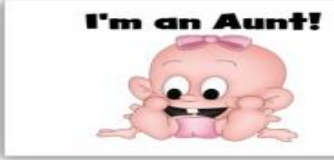


BẢNG HỌC ĐÁNH VẦN BẰNG HÌNH



SPELLING TABLE WITH PICTURES

STEP 3	NO ACCENT S	SẮC	HUYỀN	HỎI	NGÃ	NẶNG
<p>1. Đ</p> <p>AS IN</p> <p><u>D</u>OG</p>	<p>PAPAYA – ĐU ĐỦ</p> 	<p>TO HIT – ĐÁNH</p> 	<p>GORILLA - ĐƯỜI ƯƠI</p> 	 <p>LEECH - Đũa</p>	<p>FAIL TO KEEP APPOINTMENT – ĐỐI HẸN</p> 	<p>TO PLAN - ĐỊNH</p>  <p>Fire Dept. Emergency Number: _____</p> <p>☹ Smoke Alarm</p>

<p>2. GI</p> <p>AS IN</p> <p>NEW</p> <p><u>ZEAL</u></p> <p>AND</p>	<p>WORM – GIUN</p> 	<p>COCKROACH – GIÁN</p> 	<p>SHOES – GIÀY</p> 	<p>BASKET - GIỎ</p> 	<p>A FISH FRISKED IN THE CREEK – GIẤY</p> 	<p>TO BE ANGRY - GIẬN</p> 
<p>3. NH</p> <p>AS IN</p> <p><u>CANYON</u></p>	<p>GRAPES – NHỎ</p> 	<p>ECHIDNA – NHÍM</p> 	<p>HOUSE – NHÀ</p> 	<p>TO JUMP - NHẢY</p> 	<p>RING - NHẪN</p> 	<p>TO RECEIVE - NHẬN</p> 

<p>4. NG AS IN <u>SING</u></p>	<p>DUCK – NGAN</p> 	<p>TO YAWN – NGÁP</p> 	<p>TO SIT - NGỒI</p> 	<p>TO SLEEP – NGỦ</p> 	<p>TO FALL – NGÃ</p> 	<p>HORSE - NGỰA</p> 
<p>5. NGH AS IN <u>SING</u></p>	<p>TO LISTEN – NGHE</p> 	<p>BUFFALO CALF – NGHÉ</p> 	 <p>TURMERIC - NGHỆ</p>	<p>TO RELAX - NGHỈ</p> 	<p>TO THINK – NGHĨ</p> 	<p>KARMA - NGHIỆP</p> 

<p>6. KH AS IN <u>K</u>HEMER ROUGE</p>	<p>POTATO – KHOAI</p> 	<p>TO CRY – KHÓC</p> 	<p>TO TRIP UP – KHOÈO</p> 	<p>MONKEY - KHỈ</p> 	<p>TO LIMP - KHIỀNG</p> 	<p>TO LOOK OLD - KHỤ</p> 
<p>7. D AS IN <u>Z</u>OO</p>	<p>GOAT – DÊ</p> 	<p>CRICKET - DẾ</p> 	<p>AUNTY – DÌ</p> 	<p>UNFINISHED - DỜ</p> 	<p>TO STRETCH OUT – DUỖI</p> 	<p>TO SIT IN A GROUP - DỤM</p> 

<p>8. X AS IN <u>SEE</u></p>	<p>CAR – XE HƠI</p> 	<p>GREY – XÁM</p> 	<p>CABBAGE LETTUCE – XÀ LÁCH</p> 	<p>SHOVEL - XẼNG</p> 	<p>VILLAGE – XÃ</p> 	<p>TO SPRAY - XỊT</p> 
<p>9. S AS IN <u>SHE</u></p>	<p>LION – SƯ TỬ</p> 	<p>WOLF – SÓI</p> 	<p>SHELLFISH – SÒ</p> 	<p>CAR REPAIR - SỬA XE</p> 	<p>MILK - SỮA</p> 	<p>COCONUT SHELL - SỌ DỪA</p> 

• CÔNG THỨC THỨ NHÌ:

LÀ CÔNG THỨC BA BẬC CUNG GIỌNG GIÚP ĐỌC ĐÚNG TIẾNG VIỆT:

– **BẬC 1: XUÔNG GIỌNG** (cho những từ mang dấu huyền, dấu hỏi, dấu nặng)

hoặc đọc theo màu sơn xanh nhạt cho những từ mang ba dấu này.

- **BẬC 2: BÌNH GIỌNG** (cho những từ không có dấu) – hoặc sơn đen cho những từ không mang dấu.

- **BẬC 3: LÊN GIỌNG**

(cho những từ mang dấu sắc & dấu ngã) hoặc sơn màu đỏ cho những từ mang hai dấu này.

CÁC VIDEO NHỎ TRONG LINK SAU ĐÂY LÀ NHỮNG BÀI HỌC THỰC HÀNH SOẠN SẴN - XIN QUÝ
VỊ **SUBSCRIBE** ĐỂ CÙNG HỢP LỰC:

<https://www.youtube.com/channel/UCeuGpjo0blEX>

<https://quangduc.com/a74755/ngon-ngu-va-van-hoa-dan-toc-viet-nam>

